SAO Y
Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
Email: ubnd-ubnd@laocai.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
Ngày ký: 30-10-2026 16:57:36 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1852 /QĐ-BXD	*Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Từ điển dữ liệu Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị (Phiên bản 1.0)

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 354/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 326/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định về định danh địa điểm;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Thông tư số 69/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1641/QĐ-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành chiến lược dữ liệu đến năm 2030 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-BXD ngày 17 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Từ điển dữ liệu dùng chung ngành xây dựng (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Công văn số 2910/BCA-TTDLQG ngày 12 tháng 06 năm 2026 của Bộ Công an về việc hướng dẫn Từ điển dữ liệu và đánh giá, xếp hạng cơ sở dữ liệu;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng và Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Từ điển dữ liệu Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị (Phiên bản 1.0).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin quản lý, cập nhật, duy trì Từ điển dữ liệu Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị; hướng dẫn áp dụng trong xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị.

2. Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng chủ trì rà soát, cập nhật nội dung từ vựng của Từ điển dữ liệu Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị; Trung tâm Công nghệ thông tin phối hợp thực hiện cập nhật kỹ thuật, đăng tải siêu dữ liệu (Metadata) của Từ điển dữ liệu Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị lên Hệ thống Từ điển dữ liệu quốc gia theo quy định và hướng dẫn có liên quan.

3. Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đơn vị cấp nước; đơn vị thoát nước; chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu công trình, hệ thống thoát nước thực hiện áp dụng Từ điển dữ liệu trong quá trình tạo lập, cập nhật, rà soát, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 69/2026/TT-BXD và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- BCĐ quốc gia về dữ liệu (để báo cáo);
- Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) (để phối hợp);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để phối hợp);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để thực hiện);
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Xây dựng (để đưa tin);
- Lưu: VT, KCHT, TTCNTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tường Văn

Phụ lục

TỪ ĐIỂN DỮ LIỆU CƠ SỞ DỮ LIỆU CẤP NƯỚC SẠCH VÀ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1852 */QĐ-BXD ngày 27 / 10 /2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

I. QUY ƯỚC CHUNG

1. Phạm vi: Từ điển dữ liệu chuẩn hóa tên gọi, định nghĩa, kiểu dữ liệu, định dạng của các trường dữ liệu tối thiểu về cấp nước sạch (Phụ lục I), thoát nước đô thị, xử lý nước thải và bùn thải (Phụ lục II), mã định danh, danh mục dùng chung và siêu dữ liệu (Phụ lục III) ban hành kèm theo Thông tư số 69/2026/TT-BXD.

2. Nguyên tắc kế thừa: Từ vựng đã có trong Từ điển dữ liệu dùng chung ngành xây dựng (nhóm Cơ bản – mã BXD-CDE và miền Xây dựng đô thị, chuyên ngành Hạ tầng đô thị – mã BXD-XDDT) được sử dụng lại nguyên mã, tên trường kỹ thuật, kiểu dữ liệu, độ dài (Mục III) và không được định nghĩa lại dưới mã BXD-CTN. Trường hợp đơn vị tính tại Thông tư số 69/2026/TT-BXD khác với Từ điển dùng chung thì giữ đơn vị của từ vựng kế thừa; đơn vị theo Thông tư và quy tắc quy đổi được ghi tại cột "Ghi chú áp dụng" (Mục III). Từ điển này chỉ bổ sung các từ vựng chuyên ngành mới (Mục II).

3. Mã từ vựng chuyên ngành có cấu trúc BXD-CTN-nnn (nnn là số thứ tự 3 chữ số). Mã danh mục dùng chung giữ nguyên theo Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD (DM01 đến DM20), nội dung tại Mục IV. Mã trường dữ liệu của Thông tư số 69/2026/TT-BXD (mã CN-…, TN-…) tương ứng với từng từ vựng được ghi tại cột "Pháp lý"; một từ vựng có thể dùng chung cho nhiều trường.

4. Kiểu dữ liệu: theo danh mục kiểu chuẩn của Hướng dẫn xây dựng Từ điển dữ liệu: String (chuỗi ký tự, độ dài tối đa ghi tại cột Độ dài); Integer (số nguyên); Float (số thập phân); Date Time (ngày giờ, ISO 8601); Array (bản ghi lặp, chuỗi thời gian); Hình học không gian (điểm, đường, vùng theo hệ quy chiếu, hệ tọa độ quốc gia); Object gồm: "Tham chiếu dữ liệu" (tham chiếu tới đối tượng có mã định danh), "Tham chiếu danh mục" (Mã mục; Tên mục), "Dữ liệu cấu trúc" (nhóm thuộc tính) và "Tệp điện tử". Các kiểu Integer, Float, Date Time không quy định độ dài; đơn vị tính, quy tắc ràng buộc, định dạng và tần suất cập nhật ghi ở các cột riêng. Ngày tháng theo ISO 8601 (YYYY-MM-DD).

5. Các loại mã (mã định danh tổ chức, mã định danh chuyên ngành, mã định danh địa điểm, mã loại đối tượng địa điểm, mã đơn vị hành chính, mã tham chiếu của Hệ thống nguồn) được lưu ở trường riêng, có quan hệ đối chiếu và không sử dụng thay thế lẫn nhau. Từ vựng có ghi "Hệ thống thông tin tự động tính" không nhập thủ công kết quả.

II. DANH MỤC TỪ VỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU CẤP NƯỚC SẠCH VÀ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
1. Mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung												
1	BXD-CTN-001	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Dãy ký tự gắn duy nhất cho mỗi đối tượng quản lý cốt lõi, do Hệ thống thông tin tạo hoặc kế thừa từ Hệ thống nguồn; ổn định trong suốt vòng đời đối tượng, không tái sử dụng, không chứa thông tin cá nhân.	Thuộc tính định danh nhà máy nước, công trình thu nước, trạm bơm, bể chứa, đài nước, nhà máy/trạm xử lý nước thải, điểm xả, cơ sở xử lý bùn thải, điểm/trạm giám sát	MaDinhDanhChuyenNganh	String	50	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Khoản 10 Điều 3, Điều 8, Mục I Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Không dùng thay mã định danh địa điểm; khi đối tượng chấm dứt, hợp nhất, chia tách thì lưu trạng thái lịch sử và liên kết đối tượng kế thừa
2	BXD-CTN-002	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Mã do Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm cấp theo pháp luật về định danh địa điểm (Nghị định số 326/2026/NĐ-CP).	Thuộc tính tham chiếu của công trình thuộc danh mục định danh địa điểm	MaDinhDanhDiaDiem	String	12	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Khoản 3 Điều 8, Điều 8, Mục I Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Định dạng: Theo quy định của cơ sở dữ liệu định danh địa điểm (Nghị định số 326/2026/NĐ-CP); Chỉ tiếp nhận, lưu trữ và liên kết; không tự tạo, không quy định trước cấu trúc mã; Độ dài tối đa chờ cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu định danh địa điểm công bố

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
3	BXD-CTN-003	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Mã loại đối tượng định danh địa điểm do Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm trả về.	Thuộc tính tham chiếu của công trình thuộc danh mục định danh địa điểm	MaLoaiDoiTuongDiaDiem	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Điều 8, Mục I Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM13
4	BXD-CTN-004	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Mã bản ghi, mã tổ chức, mã công trình, mã tài sản hoặc mã tham chiếu khác do Hệ thống nguồn cung cấp.	Thuộc tính liên kết bản ghi với dữ liệu tại Hệ thống nguồn	MaThamChieuNguon	String	100	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Điều 8, Mục I Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Quản lý tại trường riêng, không sử dụng thay thế các loại mã khác
5	BXD-CTN-005	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Mã của thiết bị đo, cảm biến, đồng hồ hoặc điểm đo thuộc hệ thống giám sát.	Thuộc tính của dữ liệu giám sát trực tuyến, dữ liệu đo lưu lượng, áp lực	MaThietBi	String	50	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Mục IV Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	
6	BXD-CTN-006	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Địa chỉ thư điện tử công vụ của tổ chức hoặc đầu mối dữ liệu.	Thuộc tính liên hệ của đơn vị cấp nước, đơn vị thoát nước, đầu mối dữ liệu	ThuDienTu	String	100	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Thông tư số 69/2026/TT-BXD	
7	BXD-CTN-007	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Chức vụ của người được giao làm đầu mối tạo lập, cập nhật dữ liệu.	Thuộc tính của đầu mối dữ liệu	ChucVu	String	100	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Thông tư số 69/2026/TT-BXD	

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
8	BXD-CTN-008	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Phân loại địa bàn đô thị, địa bàn nông thôn thuộc phạm vi phục vụ thực tế của đơn vị cấp nước.	Thuộc tính phân tổ vùng phục vụ, dân số, đấu nối, tỷ lệ dân số được cấp nước	PhanLoaiKhuVuc	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	DM04 Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM04
9	BXD-CTN-009	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Phân loại khách hàng sử dụng nước, hộ/cơ sở được cung cấp dịch vụ thoát nước.	Thuộc tính phân tổ số đấu nối, sản lượng tiêu thụ, số hộ/cơ sở được cung cấp dịch vụ	LoaiKhachHang	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	DM05 Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM05
10	BXD-CTN-010	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Phân loại nguồn nước sử dụng để sản xuất nước sạch.	Thuộc tính của nguồn nước khai thác, nguồn nước dự phòng	LoaiNguonNuoc	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	DM06 Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM06
11	BXD-CTN-011	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Tên sông, hồ, kênh, công trình thủy lợi, tầng chứa nước hoặc tên đơn vị, công trình cung cấp nước thô.	Thuộc tính của nguồn nước khai thác, nguồn nước dự phòng	TenNguonNuoc	String	255	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Trường CN-B-27 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Không hình thành danh mục riêng cho từng tên nguồn
12	BXD-CTN-012	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Phân loại công trình trên hệ thống cấp nước.	Thuộc tính phân loại công trình cấp nước	LoaiCongTrinhCapNuoc	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	DM09 Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM09

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
13	BXD-CTN-013	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Phân loại công trình thuộc hệ thống thoát nước đô thị.	Thuộc tính phân loại công trình thoát nước, xử lý nước thải, bùn thải	LoaiCongTrinhThoatNuoc	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	DM10 Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM10
14	BXD-CTN-014	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Phân loại hệ thống thoát nước chung, riêng, nửa riêng hoặc loại khác theo hiện trạng.	Thuộc tính phân tổ chiều dài tuyến cống thu gom cấp 1, cấp 2	LoaiHeThongThoatNuoc	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	DM19 Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM19
15	BXD-CTN-015	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Bản ghi sự cố trên hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải.	Đối tượng dữ liệu chi tiết làm nguồn tính số sự cố, thời gian khắc phục sự cố	SuCo	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Khoản 3 Điều 16, DM11 Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Loại sự cố (DM11); Nguyên nhân; Phạm vi, mức độ ảnh hưởng; Thời điểm phát sinh; Thời điểm khắc phục; Trạng thái xử lý; Công trình liên quan
16	BXD-CTN-016	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Bản ghi phản ánh, kiến nghị về chất lượng dịch vụ cấp nước, thoát nước; không bao gồm khiếu nại, tố cáo xử lý theo thủ tục riêng.	Đối tượng dữ liệu chi tiết làm nguồn tính số phản ánh, tỷ lệ xử lý đúng hạn	PhanAnhKienNghi	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Trường CN-C-55, TN-B-44 Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Loại (DM11); Nguồn tiếp nhận; Thời điểm tiếp nhận; Nội dung; Đơn vị xử lý; Hạn xử lý; Thời điểm xử lý; Trạng thái; Kết quả

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
17	BXD-CTN-017	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Phân loại sự cố, phản ánh, kiến nghị.	Thuộc tính phân loại bản ghi sự cố, phản ánh, kiến nghị	LoaiSuCoPhanAnh	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	DM11 Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM11
18	BXD-CTN-018	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Đơn vị đo lường hợp pháp dùng cho lưu lượng, công suất, áp lực, chiều dài, diện tích, khối lượng, thông số giám sát, thời gian và giá dịch vụ.	Thuộc tính kèm theo giá trị số liệu, thông số giám sát	DonViDo	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	DM12 Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM12
19	BXD-CTN-019	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Thời điểm nguồn mà thiết bị, hệ thống giám sát ghi nhận giá trị.	Thuộc tính của dữ liệu chuỗi thời gian từ thiết bị đo, hệ thống giám sát	ThoiDiemDo	Date Time	YYYY-MM-DDThh:mm:ss±hh:mm (ISO 8601, kèm múi giờ)	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Mục III, IV Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	
20	BXD-CTN-020	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Trạng thái chất lượng của dữ liệu do thiết bị, Hệ thống nguồn cung cấp.	Thuộc tính của dữ liệu chuỗi thời gian từ thiết bị đo, hệ thống giám sát	TrangThaiChatLuongThietBi	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	DM15 Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM15
21	BXD-CTN-021	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Hình học dạng vùng (polygon) thể hiện ranh giới vùng phục vụ cấp nước, phạm vi cung ứng dịch vụ thoát nước, khu vực thu gom, xử lý nước thải.	Thuộc tính không gian của vùng phục vụ, phạm vi dịch vụ, khu vực thu gom	RanhGioiKhongGian	Hình học không gian	Dữ liệu không gian	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Trường CN-A-08, TN-A-09, TN-B-27 Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Hệ quy chiếu, hệ tọa độ quốc gia; hình học hợp lệ, có thông tin nguồn và độ chính xác

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
22	BXD-CTN-022	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Hình học dạng đường thể hiện sơ đồ, vị trí tuyến ống, tuyến cống, kênh, mương.	Thuộc tính không gian của tuyến truyền dẫn nước thô, tuyến ống truyền tải, tuyến cống, kênh mương	SoDoViTriTuyen	Hình học không gian	Dữ liệu không gian	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Trường CN-B-28, CN-C-40, TN-B-28, TN-D-50, TN-D-51 Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Bản đồ mạng lưới hiện có được quản lý dưới dạng tài liệu đính kèm; không phát sinh yêu cầu số hóa chi tiết toàn bộ mạng lưới
23	BXD-CTN-023	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Dung tích theo thiết kế của bể chứa nước sạch, đài nước.	Thuộc tính của bể chứa nước sạch, đài nước	DungTichThietKe	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Trường CN-C-47 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m^3: Giá trị nhỏ nhất: 0
24	BXD-CTN-024	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Dung tích hữu ích của bể chứa nước sạch, đài nước, hồ điều hòa, công trình trữ nước mưa.	Thuộc tính của bể chứa, đài nước, công trình trữ, điều hòa nước mưa	DungTichHuuIch	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Trường CN-C-47, TN-D-54 Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m^3: Giá trị nhỏ nhất: 0
25	BXD-CTN-025	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Phân loại mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý, bùn thải sau xử lý.	Thuộc tính của khối lượng nước thải, bùn thải được tái sử dụng	MucDichTaiSuDung	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	DM16 Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM16

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
26	BXD-CTN-026	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mã định danh và thành phần dữ liệu dùng chung	Hệ số quy đổi khối lượng bùn thải về đơn vị chuẩn (tấn) theo độ ẩm hoặc trạng thái bùn.	Thuộc tính kèm theo các số liệu khối lượng, công suất xử lý bùn thải	HeSoQuyDoiBun	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo sự kiện phát sinh	Trường TN-E-61 đến TN-E-67 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Quy tắc ràng buộc: Giá trị nhỏ nhất: 0; Xác định theo tài liệu kỹ thuật vận hành Hệ thống thông tin
2. Đơn vị cấp nước, phạm vi phục vụ, khách hàng, giá nước và quy hoạch cấp nước												
27	BXD-CTN-027	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý đơn vị cấp nước, phạm vi phục vụ, khách hàng, giá nước và quy hoạch cấp nước	Mã số doanh nghiệp, mã số thuế hoặc mã định danh tổ chức do cơ quan có thẩm quyền cấp. Trường hợp dữ liệu đã có tại cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì kế thừa mã nguồn và thực hiện đối soát; không tự tạo mã thay thế.	Thuộc tính mô tả đơn vị cấp nước, đơn vị thoát nước, chủ sở hữu/đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước	MaDinhDanhToChuc	String	50	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường CN-A-01, TN-A-02, TN-A-04 Phụ lục I, Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Mã số doanh nghiệp, mã số thuế (BXD-CDE-012) hoặc mã định danh tổ chức do cơ quan có thẩm quyền cấp; duy nhất; kế thừa mã nguồn, không tự tạo mã thay thế
28	BXD-CTN-028	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý đơn vị cấp nước, phạm vi phục vụ, khách hàng, giá nước và quy hoạch cấp nước	Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, thư điện tử công vụ và trang thông tin điện tử (nếu có). Mã địa chỉ hoặc mã định danh địa điểm chỉ ghi khi được Hệ thống nguồn cung cấp.	Thuộc tính mô tả đơn vị cấp nước, đơn vị thoát nước	DiaChiLienHe	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi	Trường CN-A-05, TN-A-06 Phụ lục I, Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Địa chỉ (BXD-CDE-002); Số điện thoại (BXD-CDE-022); Thư điện tử công vụ; Trang thông tin điện tử (BXD-CDE-036); Mã định danh địa điểm (nếu có)

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
29	BXD-CTN-029	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý đơn vị cấp nước, phạm vi phục vụ, khách hàng, giá nước và quy hoạch cấp nước	Họ tên, chức vụ, số điện thoại và thư điện tử công vụ của người được giao làm đầu mối tạo lập, cập nhật dữ liệu. Chỉ thu thập thông tin liên hệ công vụ cần thiết; dữ liệu được khai thác theo phạm vi phân quyền và cập nhật khi thay đổi đầu mối.	Thuộc tính mô tả đơn vị cấp nước, đơn vị thoát nước	DauMoiDuLieu	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi	Trường CN-A-06 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Họ và tên (BXD-CDE-007); Chức vụ; Số điện thoại (BXD-CDE-022); Thư điện tử công vụ. Chỉ thu thập thông tin liên hệ công vụ
30	BXD-CTN-030	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý đơn vị cấp nước, phạm vi phục vụ, khách hàng, giá nước và quy hoạch cấp nước	Số đấu nối nước sinh hoạt được đưa vào sử dụng mới trong kỳ báo cáo.	Thuộc tính mô tả đơn vị cấp nước	SoDauNoiSinhHoatMoi	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường CN-A-13 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Quy tắc ràng buộc: Giá trị nhỏ nhất: 0
31	BXD-CTN-031	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý đơn vị cấp nước, phạm vi phục vụ, khách hàng, giá nước và quy hoạch cấp nước	Tổng số đấu nối nước sinh hoạt và đấu nối ngoài sinh hoạt đang hoạt động. Hệ thống thông tin tự động tính từ CN-A-11 và CN-A-12 đã được ghi nhận đáp ứng yêu cầu chất lượng; không nhập thủ công kết quả.	Thuộc tính mô tả đơn vị cấp nước	TongSoDauNoi	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường CN-A-14 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Quy tắc ràng buộc: Giá trị nhỏ nhất: 0; Hệ thống thông tin tự động tính, không nhập thủ công

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
32	BXD-CTN-032	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý đơn vị cấp nước, phạm vi phục vụ, khách hàng, giá nước và quy hoạch cấp nước	Danh sách mức sử dụng và mức giá nước sạch sinh hoạt tương ứng theo văn bản được cơ quan có thẩm quyền ban hành; tối thiểu ghi nhận mức giá áp dụng cho 10 m³ đầu tiên của một hộ trong một tháng khi biểu giá có bậc này. Ghi số, ngày văn bản, cơ quan ban hành và thời điểm áp dụng.	Thuộc tính mô tả đơn vị cấp nước, vùng phục vụ cấp nước	BieuGiaNuocSinhHoat	Array	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi	Trường CN-A-18 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Bản ghi lặp theo bậc giá. Gồm: Mức sử dụng (m³/hộ/tháng); Mức giá (đồng/m³); Số, ký hiệu; Ngày ban hành; Cơ quan ban hành; Thời điểm hiệu lực. Mức giá 10 m³ đầu tiên: BXD-XDDT-008

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
33	BXD-CTN-033	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý đơn vị cấp nước, phạm vi phục vụ, khách hàng, giá nước và quy hoạch cấp nước	Thông tin trích xuất từ quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật hoặc hồ sơ quy hoạch khác đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có nội dung về cấp nước, gồm: tên quy hoạch; số, ngày, cơ quan ban hành; thời kỳ quy hoạch	Thuộc tính mô tả quy hoạch cấp nước	QuyHoachCapNuoc	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi quy hoạch được ban hành, điều chỉnh hoặc thay thế	Trường CN-QH-01 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Tên quy hoạch (BXD-XDDT-030); Số, ký hiệu; Ngày ban hành; Cơ quan ban hành; Thời điểm hiệu lực; Thời kỳ quy hoạch; Phạm vi, vùng cấp nước; Nhu cầu dùng nước; Tên, loại nguồn nước; Quy mô, công suất công trình (m³/ngày đêm); Tuyến truyền dẫn, truyền tải chính (km); Tệp tài liệu, bản đồ. Dữ liệu tham chiếu, không thay thế hồ sơ quy hoạch
3. Nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng												
34	BXD-CTN-034	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Tên và mã định danh tổ chức của đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành nhà máy nước.	Thuộc tính mô tả nhà máy nước, nhà máy/trạm xử lý nước thải	DonViQuanLyVanHanh	Object	Tham chiếu dữ liệu	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường CN-B-20, TN-B-19 Phụ lục I, Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã định danh tổ chức; Tên tổ chức (BXD-CDE-025)

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
35	BXD-CTN-035	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Năm nhà máy nước chính thức đưa vào vận hành, khai thác.	Thuộc tính mô tả nhà máy nước, nhà máy/trạm xử lý nước thải	NamBatDauVanHanh	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường CN-B-22, TN-B-21 Phụ lục I, Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Năm
36	BXD-CTN-036	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Dây chuyền, công nghệ xử lý chính đang áp dụng tại nhà máy nước.	Thuộc tính mô tả nhà máy nước	CongNgheXuLyNuoc	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường CN-B-26 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM07
37	BXD-CTN-037	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Tên cụ thể, loại nguồn nước và thông tin chất lượng nguồn nước được sử dụng để sản xuất nước sạch, quản lý trong cùng một đối tượng dữ liệu. Loại nguồn nước gồm nước mặt, nước dưới đất, nước thô mua hoặc tiếp nhận từ đơn vị khác, nước biển hoặc nguồn hợp pháp khác	Thuộc tính mô tả nhà máy nước	NguonNuocKhaiThac	Array	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi; theo tần suất của Hệ thống nguồn	Trường CN-B-27 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Bản ghi lặp theo từng nguồn. Gồm: Loại nguồn nước (DM06); Tên nguồn nước; Kết quả chất lượng nguồn nước (vị trí lấy mẫu, thời điểm, thông số, đơn vị đo, kết quả, phương pháp thử, đơn vị thực hiện, trạng thái bất thường, tài liệu kết quả)

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
38	BXD-CTN-038	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Thông tin tuyến ống, kênh, mương hoặc công trình truyền dẫn nước thô từ công trình thu hoặc điểm giao nhận đến nhà máy nước, gồm điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, đường kính hoặc kích thước, vật liệu, công suất thiết kế, lưu lượng vận hành, tình trạng, sơ đồ và vị trí.	Thuộc tính mô tả nhà máy nước, công trình thu nước	TuyenTruyenDanNuocTho	Array	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Thông tin tuyến, công trình: khi tạo lập, khi thay đổi; lưu lượng vận hành: cập nhật hằng tháng, tổng hợp theo quý, năm	Trường CN-B-28 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Bản ghi lặp. Gồm: Điểm đầu; Điểm cuối; Chiều dài (km); Đường kính/kích thước (mm hoặc m); Vật liệu; Công suất thiết kế; Lưu lượng vận hành (m^3/ngày đêm hoặc m^3/giờ); Tình trạng; Sơ đồ, vị trí (dữ liệu không gian); Điểm giao nhận, đồng hồ tổng, mã thiết bị, đơn vị cung cấp (khi mua/tiếp nhận nước thô)

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
39	BXD-CTN-039	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Mã định danh chuyên ngành, tên công trình, địa chỉ, tọa độ và nhà máy nước liên kết. Chỉ tạo bản ghi riêng đối với công trình thu nước có vị trí, hồ sơ và phạm vi quản lý xác định rõ.	Thuộc tính mô tả công trình thu nước	CongTrinhThuNuoc	Object	Tham chiếu dữ liệu	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường CN-B-29 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã định danh chuyên ngành; Mã định danh địa điểm (nếu có); Tên; Địa chỉ (BXD-CDE-002); Tọa độ (BXD-CDE-031, BXD-CDE-032); Nhà máy nước liên kết
40	BXD-CTN-040	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Lưu lượng khai thác tối đa được phép theo giấy phép khai thác tài nguyên nước còn hiệu lực.	Thuộc tính mô tả công trình thu nước, nhà máy nước	CongSuatKhaiThacTheoGiayPhep	Float		Cơ quan quản lý dữ liệu tài nguyên nước có thẩm quyền	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường CN-B-30 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m^3/ngày đêm: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
41	BXD-CTN-041	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Số, ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn, lưu lượng được phép và trạng thái hiệu lực của giấy phép khai thác tài nguyên nước; ưu tiên kế thừa, kết nối từ hệ thống dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền.	Thuộc tính mô tả công trình thu nước, nhà máy nước	GiayPhepKhaiThacNuoc	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cơ quan quản lý dữ liệu tài nguyên nước có thẩm quyền	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường CN-B-31 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Số giấy (BXD-CDE-023); Ngày cấp (BXD-CDE-014); Cơ quan cấp; Thời hạn; Lưu lượng được phép (m³/ngày đêm); Trạng thái hiệu lực (BXD-CDE-034); Tệp đính kèm. Ngày theo ISO 8601
42	BXD-CTN-042	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Lưu lượng nước thô bình quân ngày hoặc tổng lượng trong kỳ do đơn vị tự khai thác, mua hoặc tiếp nhận; phân tổ theo nguồn, phương thức và điểm đo/giao nhận. Ưu tiên dữ liệu tự động từ thiết bị đo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo pháp luật	Thuộc tính mô tả nhà máy nước	LuuLuongNuocTho	Array	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường CN-B-32 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Bản ghi lặp theo nguồn, phương thức, điểm đo/giao nhận. Gồm: Giá trị lưu lượng (m³/ngày đêm hoặc m³/kỳ); Nguồn nước; Phương thức (tự khai thác/mua/tiếp nhận); Điểm đo; Mã thiết bị; Thời điểm; Số liệu giao, nhận và trạng thái xử lý khi sai lệch

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
43	BXD-CTN-043	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Tên và loại nguồn nước dự phòng; điểm thu hoặc giao nhận; tuyến, công trình truyền dẫn nước thô; công suất hoặc lưu lượng có thể huy động; thời gian dự kiến đưa vào sử dụng; trạng thái sẵn sàng và văn bản, hồ sơ làm căn cứ.	Thuộc tính mô tả nhà máy nước, đơn vị cấp nước	NguonNuocDuPhong	Array	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi; rà soát hằng năm	Trường CN-B-33 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Bản ghi lặp. Gồm: Tên, loại nguồn nước dự phòng (DM06); Điểm thu/giao nhận; Tuyến, công trình truyền dẫn; Công suất/lưu lượng có thể huy động (m³/ngày đêm); Thời gian dự kiến đưa vào sử dụng; Trạng thái sẵn sàng; Văn bản, hồ sơ căn cứ
44	BXD-CTN-044	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Tổng sản lượng nước sạch được sản xuất trong kỳ báo cáo; quy đổi bình quân ngày khi tổng hợp.	Thuộc tính mô tả nhà máy nước, đơn vị cấp nước	SanLuongNuocSachSanXuat	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Hằng tháng	Trường CN-B-34 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m³/kỳ hoặc m³/ngày: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
45	BXD-CTN-045	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý nhà máy nước, nguồn nước, nước thô, công trình thu nước và sản lượng	Lượng nước sạch thương phẩm bình quân ngày trong kỳ. Hệ thống thông tin tự động tính từ các trường dữ liệu nguồn đã được ghi nhận đáp ứng yêu cầu chất lượng.	Thuộc tính mô tả đơn vị cấp nước	LuongNuocThuongPham	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Hằng tháng	Trường CN-B-39 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m^3/ngày: Giá trị nhỏ nhất: 0; Hệ thống thông tin tự động tính, không nhập thủ công
4. Mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước												
46	BXD-CTN-046	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Tổng chiều dài tuyến ống truyền tải nước sạch từ nhà máy nước, công trình đầu mối hoặc điểm tiếp nhận nước đến mạng phân phối; sơ đồ, vị trí; có thể phân tổ theo đường kính, vật liệu, tình trạng sử dụng và địa bàn khi cần.	Thuộc tính mô tả mạng lưới cấp nước	ChieuDaiOngTruyenTai	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi; rà soát, tổng hợp hằng năm	Trường CN-C-40 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	km: Giá trị nhỏ nhất: 0
47	BXD-CTN-047	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Tổng chiều dài mạng lưới phân phối nước sạch đang quản lý, vận hành trong phạm vi phục vụ; có thể phân tổ theo đường kính, vật liệu, tình trạng sử dụng và địa bàn khi cần.	Thuộc tính mô tả mạng lưới cấp nước	ChieuDaiMangPhanPhoi	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi; rà soát, tổng hợp hằng năm	Trường CN-C-41 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	km: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
48	BXD-CTN-048	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Tổng chiều dài tuyến ống truyền tải chính đã hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng mới trong kỳ báo cáo; sơ đồ, vị trí; có thể phân tổ theo đường kính, vật liệu và địa bàn khi cần.	Thuộc tính mô tả mạng lưới cấp nước	ChieuDaiOngTruyenTaiMoi	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng quý; tổng hợp hằng năm	Trường CN-C-42 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	km/kỳ báo cáo: Giá trị nhỏ nhất: 0
49	BXD-CTN-049	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Tổng chiều dài mạng phân phối đã hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng mới trong kỳ báo cáo; có thể phân tổ theo đường kính, vật liệu và địa bàn khi cần.	Thuộc tính mô tả mạng lưới cấp nước	ChieuDaiMangPhanPhoiMoi	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng quý; tổng hợp hằng năm	Trường CN-C-43 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	km/kỳ báo cáo: Giá trị nhỏ nhất: 0
50	BXD-CTN-050	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Tổng chiều dài tuyến ống truyền tải chính được cải tạo, thay thế hoặc nâng cấp trong kỳ báo cáo; ghi nguyên nhân, loại vật liệu thay thế và thời điểm hoàn thành.	Thuộc tính mô tả mạng lưới cấp nước	ChieuDaiOngTruyenTaiCaiTao	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng quý; tổng hợp hằng năm	Trường CN-C-44 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	km/kỳ báo cáo: Giá trị nhỏ nhất: 0
51	BXD-CTN-051	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Tổng chiều dài mạng phân phối được cải tạo, thay thế hoặc nâng cấp trong kỳ báo cáo; ghi nguyên nhân, loại vật liệu thay thế và thời điểm hoàn thành.	Thuộc tính mô tả mạng lưới cấp nước	ChieuDaiMangPhanPhoiCaiTao	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng quý; tổng hợp hằng năm	Trường CN-C-45 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	km/kỳ báo cáo: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
52	BXD-CTN-052	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Danh sách các trạm bơm nước thô và trạm bơm tăng áp thuộc phạm vi quản lý, gồm tên trạm, loại trạm, vị trí, công suất thiết kế, công suất vận hành và công trình liên kết. Mã định danh địa điểm chỉ ghi khi được Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm xác lập.	Thuộc tính mô tả trạm bơm nước thô, trạm bơm tăng áp	TramBomCapNuoc	Array	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi; rà soát hằng năm	Trường CN-C-46 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Bản ghi lặp. Gồm: Mã định danh chuyên ngành; Mã định danh địa điểm (nếu có); Tên; Địa chỉ (BXD-CDE-002); Tọa độ (BXD-CDE-031, BXD-CDE-032); Loại trạm (DM09); Công suất thiết kế; Công suất vận hành (m^3/ngày đêm hoặc m^3/giờ); Công trình liên kết

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
53	BXD-CTN-053	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Danh sách bể chứa nước sạch, đài nước thuộc phạm vi quản lý, gồm tên, vị trí, dung tích thiết kế, dung tích hữu ích và công trình liên kết. Mã định danh địa điểm chỉ ghi khi được Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm xác lập.	Thuộc tính mô tả bể chứa nước sạch, đài nước	BeChuaDaiNuoc	Array	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi; rà soát hằng năm	Trường CN-C-47 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Bản ghi lặp. Gồm: Mã định danh chuyên ngành; Mã định danh địa điểm (nếu có); Tên; Địa chỉ (BXD-CDE-002); Tọa độ (BXD-CDE-031, BXD-CDE-032); Loại công trình (DM09); Dung tích thiết kế (m^3); Dung tích hữu ích (m^3); Công trình liên kết
54	BXD-CTN-054	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Áp lực bình quân và áp lực tối thiểu tại đồng hồ tổng, điểm bất lợi nhất và các điểm kiểm soát đại diện trên mạng lưới. Ưu tiên tiếp nhận tự động từ thiết bị đo áp lực.	Thuộc tính mô tả mạng lưới cấp nước	ApLucNuoc	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo tần suất của Hệ thống nguồn; tổng hợp hằng tháng	Trường CN-C-49 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Điểm kiểm soát (đồng hồ tổng, điểm bất lợi nhất, điểm đại diện); Áp lực bình quân; Áp lực tối thiểu (m hoặc bar); Thời điểm; Mã thiết bị

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
55	BXD-CTN-055	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Số giờ cấp nước bình quân trong ngày hoặc tỷ lệ thời gian duy trì cấp nước liên tục trong kỳ báo cáo.	Thuộc tính mô tả dịch vụ cấp nước	ThoiGianCapNuocLienTuc	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường CN-C-50 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Giờ/ngày hoặc %: Giá trị nhỏ nhất: 0
56	BXD-CTN-056	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Số sự cố ảnh hưởng đến hoạt động của nguồn nước, nhà máy, tuyến ống truyền tải, mạng lưới phân phối hoặc việc cung cấp nước trong kỳ; phân loại theo nguyên nhân, phạm vi và mức độ ảnh hưởng.	Thuộc tính mô tả dịch vụ cấp nước	SoSuCoCapNuoc	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi phát sinh; tổng hợp hằng tháng	Trường CN-C-53 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Vụ/kỳ: Giá trị nhỏ nhất: 0
57	BXD-CTN-057	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Tổng thời gian xử lý các sự cố cấp nước chia cho số sự cố đã xử lý trong kỳ.	Thuộc tính mô tả dịch vụ cấp nước, dịch vụ thoát nước	ThoiGianKhacPhucSuCo	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường CN-C-54, TN-B-43 Phụ lục I, Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Giờ/sự cố: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
58	BXD-CTN-058	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Tổng số phản ánh, kiến nghị về áp lực, thời gian cấp nước, gián đoạn, chất lượng phục vụ, hóa đơn và nội dung dịch vụ khác được tiếp nhận qua đơn vị cấp nước, UBND cấp xã, cổng thông tin, đường dây nóng hoặc kênh hợp pháp khác.	Thuộc tính mô tả dịch vụ cấp nước	SoPhanAnhKienNghiCapNuoc	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi phát sinh; tổng hợp hằng tháng	Trường CN-C-55 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Vụ/kỳ: Giá trị nhỏ nhất: 0
59	BXD-CTN-059	Cấp nước, thoát nước / Dùng chung	Quản lý mạng lưới, công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị về chất lượng dịch vụ cấp nước được trả lời hoặc xử lý trong thời hạn theo quy trình cung cấp dịch vụ hoặc cam kết công bố của đơn vị. Hệ thống thông tin tự động tính từ dữ liệu tiếp nhận và xử lý.	Thuộc tính mô tả dịch vụ cấp nước, dịch vụ thoát nước	TyLePhanAnhXuLyDungHan	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường CN-C-56, TN-B-45 Phụ lục I, Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	%: Giá trị nhỏ nhất: 0; Giá trị lớn nhất: 100; Hệ thống thông tin tự động tính, không nhập thủ công
5. Giám sát trực tuyến nước sạch và tài liệu đính kèm về cấp nước												

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
60	BXD-CTN-060	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý giám sát trực tuyến nước sạch và tài liệu đính kèm về cấp nước	Mã chuyên ngành, vị trí giám sát, nhà máy hoặc khu vực liên kết, mã thiết bị, thông số giám sát và đơn vị quản lý thiết bị. Mã định danh địa điểm chỉ ghi khi điểm hoặc trạm là công trình độc lập thuộc danh mục định danh và được Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm xác lập	Thuộc tính mô tả điểm/trạm giám sát trực tuyến nước sạch	DiemGiamSatNuocSach	Object	Tham chiếu dữ liệu	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường CN-D-57 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã định danh chuyên ngành; Vị trí giám sát; Nhà máy hoặc khu vực liên kết; Mã thiết bị; Thông số giám sát; Đơn vị quản lý thiết bị; Mã định danh địa điểm (chỉ khi là công trình độc lập)
61	BXD-CTN-061	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý giám sát trực tuyến nước sạch và tài liệu đính kèm về cấp nước	Giá trị pH của nước sạch được hệ thống giám sát trực tuyến hiện có ghi nhận; kèm đơn vị đo, thời điểm nguồn, mã thiết bị và trạng thái chất lượng trong siêu dữ liệu. Không thay thế kết quả kiểm nghiệm theo quy định chuyên ngành.	Thuộc tính mô tả điểm/trạm giám sát trực tuyến nước sạch	GiaTriPH	Array	Chuỗi thời gian	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo tần suất của Hệ thống nguồn; tổng hợp theo giờ	Trường CN-D-58 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Thời điểm đo; Giá trị (đơn vị: pH); Mã thiết bị; Trạng thái chất lượng (DM15). Chỉ cập nhật khi thiết bị, hệ thống đã được đầu tư, đang vận hành

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
62	BXD-CTN-062	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý giám sát trực tuyến nước sạch và tài liệu đính kèm về cấp nước	Giá trị độ đục của nước sạch được hệ thống giám sát trực tuyến hiện có ghi nhận; kèm đơn vị đo, thời điểm nguồn, mã thiết bị và trạng thái chất lượng trong siêu dữ liệu. Không thay thế kết quả kiểm nghiệm theo quy định chuyên ngành.	Thuộc tính mô tả điểm/trạm giám sát trực tuyến nước sạch	DoDuc	Array	Chuỗi thời gian	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo tần suất của Hệ thống nguồn; tổng hợp theo giờ	Trường CN-D-59 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Thời điểm đo; Giá trị (đơn vị: NTU); Mã thiết bị; Trạng thái chất lượng (DM15). Chỉ cập nhật khi thiết bị, hệ thống đã được đầu tư, đang vận hành
63	BXD-CTN-063	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý giám sát trực tuyến nước sạch và tài liệu đính kèm về cấp nước	Giá trị hàm lượng clo dư của nước sạch được hệ thống giám sát trực tuyến hiện có ghi nhận; kèm đơn vị đo, thời điểm nguồn, mã thiết bị và trạng thái chất lượng trong siêu dữ liệu. Không thay thế kết quả kiểm nghiệm theo quy định chuyên ngành.	Thuộc tính mô tả điểm/trạm giám sát trực tuyến nước sạch	CloDu	Array	Chuỗi thời gian	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo tần suất của Hệ thống nguồn; tổng hợp theo giờ	Trường CN-D-60 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Thời điểm đo; Giá trị (đơn vị: mg/L); Mã thiết bị; Trạng thái chất lượng (DM15). Chỉ cập nhật khi thiết bị, hệ thống đã được đầu tư, đang vận hành

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
64	BXD-CTN-064	Cấp nước, thoát nước / Cấp nước sạch	Quản lý giám sát trực tuyến nước sạch và tài liệu đính kèm về cấp nước	Tệp hoặc liên kết đến tài liệu làm căn cứ cho dữ liệu cấp nước sạch, gồm: hồ sơ pháp lý của đơn vị, phạm vi phục vụ, hợp đồng dịch vụ, quyết định ban hành giá và phương án giá; giấy phép khai thác tài nguyên nước; hồ sơ nhà máy, công trình thu nước; phương án cấp nước an toàn	Thuộc tính mô tả các đối tượng dữ liệu cấp nước sạch	TaiLieuCapNuoc	Object	Tệp điện tử	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi phát sinh; khi thay đổi; theo tần suất của Hệ thống nguồn	Trường CN-E-61 Phụ lục I Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Tệp hoặc liên kết tài liệu; Loại tài liệu; Số, ngày, cơ quan/đơn vị ban hành; Thời điểm hiệu lực; Phiên bản; Bản ghi liên kết. Định dạng theo tài liệu kỹ thuật vận hành Hệ thống thông tin
6. Chủ sở hữu, đơn vị thoát nước, phạm vi dịch vụ, giá dịch vụ và quy hoạch thoát nước												
65	BXD-CTN-065	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước đô thị	Quản lý chủ sở hữu, đơn vị thoát nước, phạm vi dịch vụ, giá dịch vụ và quy hoạch thoát nước	Chủ sở hữu công trình, hệ thống thoát nước hoặc cơ quan, tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền thực hiện quyền và trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu; phân loại theo danh mục dùng chung.	Thuộc tính mô tả chủ sở hữu/đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước	LoaiChuSoHuuThoatNuoc	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi	Trường TN-A-01 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM02

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
66	BXD-CTN-066	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước đô thị	Quản lý chủ sở hữu, đơn vị thoát nước, phạm vi dịch vụ, giá dịch vụ và quy hoạch thoát nước	Thông tin hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước giữa chủ sở hữu/đại diện chủ sở hữu và đơn vị thoát nước, gồm số, ngày ký, các bên, phạm vi công việc, thời hạn, nguồn và giá trị tài chính theo hợp đồng, tình trạng thực hiện, điều chỉnh, gia hạn hoặc thanh lý.	Thuộc tính mô tả đơn vị thoát nước, chủ sở hữu/đại diện chủ sở hữu	HopDongQuanLyVanHanh	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi ký, điều chỉnh, gia hạn, thanh lý hoặc thay đổi	Trường TN-A-08 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Số hợp đồng; Ngày ký (ISO 8601); Các bên; Phạm vi công việc; Thời hạn; Nguồn và giá trị tài chính (triệu đồng); Tình trạng thực hiện, điều chỉnh, gia hạn, thanh lý; Tệp đính kèm (PDF/A)
67	BXD-CTN-067	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước đô thị	Quản lý chủ sở hữu, đơn vị thoát nước, phạm vi dịch vụ, giá dịch vụ và quy hoạch thoát nước	Danh sách đơn vị hành chính và khu vực thực tế được cung ứng dịch vụ thoát nước đô thị, gồm thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải theo phạm vi hợp đồng hoặc phân công quản lý. Không bao gồm thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất muối.	Thuộc tính mô tả đơn vị thoát nước	PhamViDichVuThoatNuoc	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi	Trường TN-A-09 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Danh sách mã đơn vị hành chính (DM01); Khu vực thực tế được cung ứng dịch vụ; Ranh giới phạm vi (dữ liệu không gian dạng vùng)

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
68	BXD-CTN-068	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước đô thị	Quản lý chủ sở hữu, đơn vị thoát nước, phạm vi dịch vụ, giá dịch vụ và quy hoạch thoát nước	Số người bình quân trên một hộ gia đình hoặc một đấu nối sinh hoạt trong phạm vi dịch vụ được xác định từ dữ liệu dân cư, thống kê, dữ liệu hành chính do cơ quan có thẩm quyền quản lý và dữ liệu hộ hoặc đấu nối đã được ghi nhận đáp ứng yêu cầu chất lượng	Thuộc tính mô tả phạm vi dịch vụ thoát nước	SoNguoiBinhQuanHo	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo tần suất của Hệ thống nguồn; chốt số liệu hằng năm	Trường TN-A-11 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Người/hộ hoặc người/đấu nối: Giá trị nhỏ nhất: 0; Hệ thống thông tin tự động tính, không nhập thủ công
69	BXD-CTN-069	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước đô thị	Quản lý chủ sở hữu, đơn vị thoát nước, phạm vi dịch vụ, giá dịch vụ và quy hoạch thoát nước	Tổng số hộ gia đình trong khu vực được cung cấp dịch vụ thu gom, thoát nước thải; trường hợp đơn vị quản lý theo đấu nối thì ghi số đấu nối sinh hoạt đang hoạt động và nêu rõ phương pháp.	Thuộc tính mô tả phạm vi dịch vụ thoát nước	SoHoDuocThuGom	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng quý; tổng hợp hằng năm	Trường TN-A-12 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Hộ hoặc đấu nối: Giá trị nhỏ nhất: 0
70	BXD-CTN-070	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước đô thị	Quản lý chủ sở hữu, đơn vị thoát nước, phạm vi dịch vụ, giá dịch vụ và quy hoạch thoát nước	Tổng số cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đối tượng ngoài hộ gia đình được cung cấp dịch vụ thu gom, thoát nước thải; trường hợp quản lý theo đấu nối thì ghi số đấu nối ngoài sinh hoạt.	Thuộc tính mô tả phạm vi dịch vụ thoát nước	SoCoSoNgoaiSinhHoatDuocThuGom	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng quý; tổng hợp hằng năm	Trường TN-A-13 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Cơ sở hoặc đấu nối: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
71	BXD-CTN-071	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước đô thị	Quản lý chủ sở hữu, đơn vị thoát nước, phạm vi dịch vụ, giá dịch vụ và quy hoạch thoát nước	Thông tin trích xuất từ quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật hoặc hồ sơ quy hoạch khác đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có nội dung về thoát nước đô thị và xử lý nước thải, gồm: tên quy hoạch; số, ngày, cơ quan ban hành	Thuộc tính mô tả quy hoạch thoát nước	QuyHoachThoatNuoc	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi quy hoạch được ban hành, điều chỉnh hoặc thay thế	Trường TN-QH-01 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Tên quy hoạch (BXD-XDDT-030); Số, ký hiệu; Ngày ban hành; Cơ quan ban hành; Thời điểm hiệu lực; Thời kỳ, phạm vi quy hoạch; Lưu vực thoát nước mưa; Lưu vực thu gom nước thải; Quy mô, công suất công trình (m³/ngày đêm); Tuyến cống cấp 1, kênh mương, cống chính (km); Công trình điều hòa (ha); Điểm xả; Tệp tài liệu, bản đồ. Dữ liệu tham chiếu, không thay thế hồ sơ quy hoạch
7. Thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải												

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
72	BXD-CTN-072	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Tên và mã định danh tổ chức của chủ sở hữu nhà máy, trạm xử lý nước thải hoặc cơ quan, tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền thực hiện quyền và trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu.	Thuộc tính mô tả nhà máy/trạm xử lý nước thải, hệ thống thoát nước	ChuSoHuuCongTrinh	Object	Tham chiếu dữ liệu	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-B-18 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã định danh tổ chức; Tên tổ chức (BXD-CDE-025); Loại chủ sở hữu
73	BXD-CTN-073	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Dây chuyền, công nghệ xử lý chính đang áp dụng.	Thuộc tính mô tả nhà máy/trạm xử lý nước thải	CongNgheXuLyNuocThai	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-B-25 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM08
74	BXD-CTN-074	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Bản ghi đối với công trình xử lý nước thải theo cụm hoặc khu vực thuộc phạm vi quản lý, vận hành của hệ thống thoát nước đô thị, gồm mã chuyên ngành, tên, vị trí, chủ sở hữu/đại diện chủ sở hữu, đơn vị vận hành, phạm vi phục vụ, công suất thiết kế và vận hành, công nghệ, tình trạng hoạt động và hồ sơ môi trường có liên quan.	Thuộc tính mô tả công trình xử lý nước thải phi tập trung	CongTrinhXLNTPhiTapTrung	Array	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-B-26 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Bản ghi lặp. Gồm: Mã định danh chuyên ngành; Tên; Vị trí; Chủ sở hữu/đại diện chủ sở hữu; Đơn vị vận hành; Phạm vi phục vụ (hộ/công trình); Công suất thiết kế, vận hành (m^3/ngày đêm); Công nghệ (DM08); Tình trạng hoạt động (DM03); Hồ sơ môi trường

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
75	BXD-CTN-075	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Tổng chiều dài tuyến cống chính thu gom, dẫn nước thải đến nhà máy, trạm xử lý nước thải; phân tổ theo hệ thống chung, riêng, nửa riêng hoặc loại khác theo hiện trạng. Ghi sơ đồ, vị trí, nguồn và mức độ đầy đủ của dữ liệu.	Thuộc tính mô tả mạng lưới thu gom nước thải	ChieuDaiCongCap1	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi; rà soát, tổng hợp hằng năm	Trường TN-B-28 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	km: Giá trị nhỏ nhất: 0
76	BXD-CTN-076	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Tổng chiều dài tuyến cống thu gom nước thải của khu vực, tiểu khu vực dẫn đến tuyến cống cấp 1; phân tổ theo hệ thống chung, riêng, nửa riêng hoặc loại khác theo hiện trạng.	Thuộc tính mô tả mạng lưới thu gom nước thải	ChieuDaiCongCap2	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi; rà soát, tổng hợp hằng năm	Trường TN-B-29 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	km: Giá trị nhỏ nhất: 0
77	BXD-CTN-077	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Bản ghi cho từng trạm bơm nước thải có vị trí, hồ sơ và phạm vi quản lý xác định rõ, gồm mã chuyên ngành, tên, vị trí, tọa độ, hệ thống và công trình liên kết. Mã định danh địa điểm chỉ ghi khi được Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm xác lập	Thuộc tính mô tả trạm bơm nước thải	TramBomNuocThai	Object	Tham chiếu dữ liệu	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-B-30 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã định danh chuyên ngành; Mã định danh địa điểm (nếu có); Tên; Địa chỉ (BXD-CDE-002); Tọa độ (BXD-CDE-031, BXD-CDE-032); Hệ thống và công trình liên kết

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
78	BXD-CTN-078	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Công suất thiết kế, công suất vận hành và trạng thái hoạt động của trạm bơm nước thải.	Thuộc tính mô tả trạm bơm nước thải, trạm bơm thoát nước mưa	CongSuatTinhTrangTramBom	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi; đối soát hằng tháng	Trường TN-B-31, TN-D-53 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Công suất thiết kế; Công suất vận hành (trạm bơm nước thải: m³/ngày đêm hoặc m³/giờ; trạm bơm thoát nước mưa: m³/giây hoặc m³/giờ); Tình trạng hoạt động (DM03)
79	BXD-CTN-079	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Tổng lượng nước thải sinh hoạt và nước thải khác thuộc phạm vi dịch vụ phát sinh trong kỳ. Trường hợp chưa có số liệu đo trực tiếp, có thể xác định từ lượng nước sạch cung cấp theo tỷ lệ phù hợp; phải ghi rõ nguồn số liệu, phạm vi và phương pháp tính trong siêu dữ liệu.	Thuộc tính mô tả phạm vi dịch vụ thoát nước	LuongNuocThaiPhatSinh	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng quý; tổng hợp hằng năm	Trường TN-B-32 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m³/ngày: Giá trị nhỏ nhất: 0
80	BXD-CTN-080	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Tổng lưu lượng nước thải được hệ thống thu gom trong kỳ, quy đổi bình quân ngày.	Thuộc tính mô tả mạng lưới thu gom nước thải	LuongNuocThaiThuGom	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường TN-B-33 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m³/ngày: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
81	BXD-CTN-081	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Lưu lượng nước thải đầu vào nhà máy, trạm xử lý bình quân ngày trong kỳ; ưu tiên tiếp nhận tự động từ thiết bị đo lưu lượng.	Thuộc tính mô tả nhà máy/trạm xử lý nước thải	LuuLuongNuocThaiDauVao	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo tần suất của Hệ thống nguồn; tổng hợp hằng tháng	Trường TN-B-34 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m^3/ngày hoặc m^3/giờ: Giá trị nhỏ nhất: 0
82	BXD-CTN-082	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Lưu lượng nước thải sau xử lý bình quân ngày trong kỳ, được kế thừa hoặc kết nối từ hệ thống dữ liệu quan trắc môi trường của cơ quan có thẩm quyền. Đơn vị thoát nước và Sở Xây dựng chỉ đối chiếu liên kết với công trình, phản hồi sai lệch	Thuộc tính mô tả nhà máy/trạm xử lý nước thải	LuuLuongNuocThaiSauXuLy	Float		Cơ quan quản lý dữ liệu môi trường có thẩm quyền	Theo tần suất của Hệ thống nguồn; tổng hợp hằng tháng	Trường TN-B-35 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m^3/ngày hoặc m^3/giờ: Giá trị nhỏ nhất: 0
83	BXD-CTN-083	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Tỷ lệ lượng nước thải được thu gom trên lượng nước thải phát sinh ước tính. Hệ thống thông tin tự động tính từ TN-B-33 và TN-B-32 đã được ghi nhận đáp ứng yêu cầu chất lượng; không nhập thủ công kết quả.	Thuộc tính mô tả phạm vi dịch vụ thoát nước	TyLeNuocThaiThuGom	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Hệ thống thông tin tự động tính hằng quý; tổng hợp hằng năm	Trường TN-B-36 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	%: Giá trị nhỏ nhất: 0; Giá trị lớn nhất: 100; Hệ thống thông tin tự động tính, không nhập thủ công

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
84	BXD-CTN-084	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Tỷ lệ lượng nước thải được xử lý trên lượng nước thải phát sinh ước tính. Hệ thống thông tin tự động tính từ TN-B-35 và TN-B-32 sau khi dữ liệu đã được ghi nhận đáp ứng yêu cầu chất lượng hoặc kế thừa trạng thái từ Hệ thống nguồn; không nhập thủ công kết quả.	Thuộc tính mô tả phạm vi dịch vụ thoát nước	TyLeNuocThaiXuLy	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Hệ thống thông tin tự động tính hằng quý; tổng hợp hằng năm	Trường TN-B-37 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	%: Giá trị nhỏ nhất: 0; Giá trị lớn nhất: 100; Hệ thống thông tin tự động tính, không nhập thủ công
85	BXD-CTN-085	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Số, ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn, lưu lượng, điểm xả và yêu cầu chính của giấy phép môi trường.	Thuộc tính mô tả nhà máy/trạm xử lý nước thải	GiayPhepMoiTruong	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-B-38 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Số giấy (BXD-CDE-023); Ngày cấp (BXD-CDE-014); Cơ quan cấp; Thời hạn; Lưu lượng; Điểm xả; Yêu cầu chính; Tệp đính kèm. Ngày theo ISO 8601

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
86	BXD-CTN-086	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Mã chuyên ngành, vị trí, tọa độ, tên nguồn tiếp nhận, trạng thái hoạt động và mối liên kết với giấy phép môi trường. Mã định danh địa điểm chỉ ghi khi điểm xả thuộc danh mục định danh và được Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm xác lập; không tự tạo mã định danh địa điểm.	Thuộc tính mô tả điểm xả sau xử lý	DiemXaSauXuLy	Object	Tham chiếu dữ liệu	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-B-39 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã định danh chuyên ngành; Vị trí, tọa độ; Tên nguồn tiếp nhận; Trạng thái hoạt động (DM03); Giấy phép môi trường liên kết; Mã định danh địa điểm (nếu có)
87	BXD-CTN-087	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Khối lượng nước thải sau xử lý được tái sử dụng bình quân ngày trong kỳ; ghi bằng 0 nếu không tái sử dụng.	Thuộc tính mô tả nhà máy/trạm xử lý nước thải	LuongNuocThaiTaiSuDung	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng quý; tổng hợp hằng năm	Trường TN-B-40 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m^3/ngày: Giá trị nhỏ nhất: 0
88	BXD-CTN-088	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Mục đích, khu vực và đối tượng sử dụng nước thải sau xử lý.	Thuộc tính mô tả nhà máy/trạm xử lý nước thải	MucDichTaiSuDungNuocThai	String	500	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi	Trường TN-B-41 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Danh mục: DM16; Phân loại mục đích theo DM16

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
89	BXD-CTN-089	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Số sự cố ảnh hưởng đến mạng lưới thu gom, trạm bơm, công trình xử lý nước thải hoặc việc cung cấp dịch vụ trong kỳ; phân loại theo nguyên nhân, phạm vi và mức độ ảnh hưởng.	Thuộc tính mô tả dịch vụ thoát nước	SoSuCoThoatNuoc	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi phát sinh; tổng hợp hằng tháng	Trường TN-B-42 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Vụ/kỳ: Giá trị nhỏ nhất: 0
90	BXD-CTN-090	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải	Tổng số phản ánh, kiến nghị về thoát nước, thu gom nước thải, mùi, tắc nghẽn, ngập, chất lượng phục vụ và nội dung liên quan được tiếp nhận qua đơn vị thoát nước, UBND cấp xã, cổng thông tin, đường dây nóng hoặc kênh hợp pháp khác.	Thuộc tính mô tả dịch vụ thoát nước	SoPhanAnhKienNghiThoatNuoc	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi phát sinh; tổng hợp hằng tháng	Trường TN-B-44 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Vụ/kỳ: Giá trị nhỏ nhất: 0
8. Giám sát trực tuyến nước thải đầu vào và dữ liệu nước thải sau xử lý												
91	BXD-CTN-091	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý giám sát trực tuyến nước thải đầu vào và dữ liệu nước thải sau xử lý	Mã chuyên ngành, vị trí, mã thiết bị, công trình xử lý liên kết, đơn vị quản lý thiết bị và nguồn dữ liệu. Mã định danh địa điểm chỉ ghi khi trạm là công trình độc lập thuộc danh mục định danh và được Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm xác lập	Thuộc tính mô tả điểm/trạm giám sát nước thải đầu vào	DiemGiamSatNuocThaiDauVao	Object	Tham chiếu dữ liệu	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-C-46 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã định danh chuyên ngành; Vị trí; Mã thiết bị; Công trình xử lý liên kết; Đơn vị quản lý thiết bị; Nguồn dữ liệu; Mã định danh địa điểm (chỉ khi là công trình độc lập)

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
92	BXD-CTN-092	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý giám sát trực tuyến nước thải đầu vào và dữ liệu nước thải sau xử lý	Các thông số cơ bản của nước thải đầu vào được hệ thống giám sát trực tuyến hiện có ghi nhận, như lưu lượng, pH, nhiệt độ và thông số cần thiết cho quản lý vận hành. Mỗi giá trị kèm đơn vị đo, thời điểm nguồn, mã thiết bị và chất lượng trong siêu dữ liệu.	Thuộc tính mô tả điểm/trạm giám sát nước thải đầu vào	ThongSoNuocThaiDauVao	Array	Chuỗi thời gian	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo tần suất của hệ thống nguồn; tổng hợp theo giờ	Trường TN-C-47 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Thời điểm đo; Giá trị (đơn vị: theo thông số (lưu lượng, pH, nhiệt độ...)); Mã thiết bị; Trạng thái chất lượng (DM15). Chỉ cập nhật khi thiết bị, hệ thống đã được đầu tư, đang vận hành
93	BXD-CTN-093	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý giám sát trực tuyến nước thải đầu vào và dữ liệu nước thải sau xử lý	Mã bản ghi nguồn, mã trạm hoặc điểm quan trắc, mã công trình liên kết, cơ quan, tổ chức quản lý Hệ thống nguồn và phiên bản dữ liệu. Dữ liệu được kết nối từ hệ thống dữ liệu quan trắc môi trường của cơ quan có thẩm quyền	Thuộc tính mô tả nhà máy/trạm xử lý nước thải	BanGhiNguonNuocThaiSauXuLy	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cơ quan quản lý dữ liệu môi trường có thẩm quyền	Theo tần suất của Hệ thống nguồn	Trường TN-C-48 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Mã bản ghi nguồn; Mã trạm/điểm quan trắc; Mã công trình liên kết; Cơ quan quản lý Hệ thống nguồn; Phiên bản dữ liệu; Thời điểm đồng bộ. Không nhập lại, không sửa đổi

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
94	BXD-CTN-094	Cấp nước, thoát nước / Xử lý nước thải	Quản lý giám sát trực tuyến nước thải đầu vào và dữ liệu nước thải sau xử lý	Các thông số do hệ thống dữ liệu quan trắc môi trường có thẩm quyền chia sẻ, gồm lưu lượng, pH, nhiệt độ, COD, TSS, amoni và thông số khác theo giấy phép môi trường hoặc dữ liệu nguồn.	Thuộc tính mô tả nhà máy/trạm xử lý nước thải	ThongSoNuocThaiSauXuLy	Array	Chuỗi thời gian	Cơ quan quản lý dữ liệu môi trường có thẩm quyền	Theo tần suất của Hệ thống nguồn	Trường TN-C-49 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Thời điểm đo; Giá trị (đơn vị: theo thông số (lưu lượng, pH, nhiệt độ, COD, TSS, amoni...)); Mã thiết bị; Trạng thái chất lượng (DM15). Chỉ cập nhật khi thiết bị, hệ thống đã được đầu tư, đang vận hành
9. Thoát nước mưa đô thị và kiểm soát ngập												
95	BXD-CTN-095	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước mưa	Quản lý thoát nước mưa đô thị và kiểm soát ngập	Tổng chiều dài sông, kênh, mương chính có chức năng thoát nước đô thị thuộc phạm vi quản lý, vận hành; không bao gồm công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp hoặc sản xuất muối. Sơ đồ, vị trí.	Thuộc tính mô tả hệ thống thoát nước mưa	ChieuDaiKenhMuongThoatNuoc	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi; rà soát, tổng hợp hằng năm	Trường TN-D-50 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	km: Giá trị nhỏ nhất: 0
96	BXD-CTN-096	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước mưa	Quản lý thoát nước mưa đô thị và kiểm soát ngập	Tổng chiều dài tuyến cống thoát nước mưa chính đang được quản lý, vận hành. Sơ đồ, vị trí.	Thuộc tính mô tả hệ thống thoát nước mưa	ChieuDaiCongThoatNuocMua	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi; rà soát, tổng hợp hằng năm	Trường TN-D-51 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	km: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
97	BXD-CTN-097	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước mưa	Quản lý thoát nước mưa đô thị và kiểm soát ngập	Bản ghi lặp cho từng trạm bơm có vị trí, hồ sơ và phạm vi quản lý xác định rõ. Gồm mã định danh chuyên ngành, tên, địa chỉ, tọa độ	Thuộc tính mô tả trạm bơm thoát nước mưa	TramBomThoatNuocMua	Object	Tham chiếu dữ liệu	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-D-52 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã định danh chuyên ngành; Mã định danh địa điểm (nếu có); Tên; Địa chỉ (BXD-CDE-002); Tọa độ (BXD-CDE-031, BXD-CDE-032); Mã loại đối tượng địa điểm (nếu có)
98	BXD-CTN-098	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước mưa	Quản lý thoát nước mưa đô thị và kiểm soát ngập	Mã định danh chuyên ngành; mã định danh địa điểm do Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm cấp (nếu có); tên, địa chỉ, tọa độ, diện tích, dung tích hữu ích và trạng thái hoạt động của hồ điều hòa hoặc công trình trữ nước.	Thuộc tính mô tả hồ điều hòa, công trình trữ nước mưa	CongTrinhDieuHoaNuocMua	Object	Tham chiếu dữ liệu	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-D-54 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã định danh chuyên ngành; Mã định danh địa điểm (nếu có); Tên; Địa chỉ (BXD-CDE-002); Tọa độ (BXD-CDE-031, BXD-CDE-032); Diện tích (ha); Dung tích hữu ích (m^3); Trạng thái hoạt động (DM03)

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
99	BXD-CTN-099	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước mưa	Quản lý thoát nước mưa đô thị và kiểm soát ngập	Tổng chiều dài hoặc khối lượng cống, kênh, mương được nạo vét, duy trì trong kỳ.	Thuộc tính mô tả hệ thống thoát nước	KhoiLuongNaoVet	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng quý; tổng hợp hằng năm	Trường TN-D-55 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Chiều dài nạo vét (km); Khối lượng nạo vét (m³ hoặc tấn/kỳ); Kỳ báo cáo
100	BXD-CTN-100	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước mưa	Quản lý thoát nước mưa đô thị và kiểm soát ngập	Tổng số điểm ngập được ghi nhận trong kỳ. Mỗi điểm phải có tối thiểu thông tin về lượng mưa hoặc điều kiện xảy ra, thời gian, chiều sâu, diện tích và đối tượng ảnh hưởng, số lần xuất hiện, vị trí/phương pháp xác định tọa độ và nguồn ghi nhận.	Thuộc tính mô tả kiểm soát ngập đô thị	SoDiemNgap	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi phát sinh; khi thay đổi; tổng hợp theo quý, năm	Trường TN-D-56 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Điểm: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
101	BXD-CTN-101	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước mưa	Quản lý thoát nước mưa đô thị và kiểm soát ngập	Địa chỉ, vị trí hoặc tọa độ theo hệ quy chiếu quốc gia, thời gian bắt đầu/kết thúc, chiều sâu lớn nhất, diện tích và đối tượng ảnh hưởng, nguyên nhân, tần suất, phương thức giám sát và nguồn dữ liệu. UBND cấp xã ghi nhận, phản ánh và phối hợp xác minh	Thuộc tính mô tả điểm ngập	DiemNgap	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi phát sinh; khi thay đổi	Trường TN-D-57 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Địa chỉ, vị trí, tọa độ; Thời gian bắt đầu, kết thúc; Thời gian ngập (phút); Chiều sâu lớn nhất (cm); Diện tích ảnh hưởng (ha); Đối tượng ảnh hưởng; Lượng mưa/điều kiện xảy ra; Nguyên nhân; Tần suất; Phương thức giám sát (DM17); Nguồn dữ liệu; Trạng thái xử lý. Tiêu chí theo DM20
102	BXD-CTN-102	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước mưa	Quản lý thoát nước mưa đô thị và kiểm soát ngập	Tổng số lần xảy ra ngập tại các điểm ngập trong kỳ báo cáo.	Thuộc tính mô tả kiểm soát ngập đô thị	SoLanNgap	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi phát sinh; tổng hợp theo quý, năm	Trường TN-D-58 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Lần/kỳ: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
103	BXD-CTN-103	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước mưa	Quản lý thoát nước mưa đô thị và kiểm soát ngập	Số điểm ngập đã hoàn thành biện pháp xử lý và đáp ứng tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền xác định về lượng mưa hoặc điều kiện xảy ra, thời gian, chiều sâu, diện tích, đối tượng ảnh hưởng và tần suất sau xử lý. Ghi căn cứ, thời điểm đánh giá và tiêu chí áp dụng trong siêu dữ liệu	Thuộc tính mô tả kiểm soát ngập đô thị	SoDiemNgapDaXuLy	Integer		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi; tổng hợp theo quý, năm	Trường TN-D-59 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Điểm: Giá trị nhỏ nhất: 0
104	BXD-CTN-104	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước mưa	Quản lý thoát nước mưa đô thị và kiểm soát ngập	Phương thức giám sát đang áp dụng như kiểm tra hiện trường, camera, cảm biến, phản ánh của người dân hoặc nguồn dữ liệu khác.	Thuộc tính mô tả kiểm soát ngập đô thị	PhuongThucGiamSatNgap	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi thay đổi	Trường TN-D-60 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM17
10. Bùn thải và tài liệu đính kèm về thoát nước												
105	BXD-CTN-105	Cấp nước, thoát nước / Bùn thải	Quản lý bùn thải và tài liệu đính kèm về thoát nước	Tổng khối lượng bùn phát sinh từ công trình xử lý nước thải thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng trong kỳ. Ghi đơn vị đo, độ ẩm hoặc trạng thái bùn và hệ số quy đổi; khi tổng hợp quy đổi về đơn vị chuẩn theo tài liệu kỹ thuật vận hành Hệ thống thông tin.	Thuộc tính mô tả nhà máy/trạm xử lý nước thải	KhoiLuongBunXLNT	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường TN-E-61 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m^3 hoặc tấn/kỳ; quy đổi về tấn khi tổng hợp: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
106	BXD-CTN-106	Cấp nước, thoát nước / Bùn thải	Quản lý bùn thải và tài liệu đính kèm về thoát nước	Tổng khối lượng bùn thu gom từ hoạt động nạo vét, duy trì mạng lưới thoát nước đô thị trong kỳ. Ghi đơn vị đo, độ ẩm hoặc trạng thái bùn và hệ số quy đổi; không bao gồm bùn, chất thải thuộc phạm vi quản lý chất thải rắn hoặc chất thải nguy hại của cơ quan môi trường.	Thuộc tính mô tả mạng lưới thoát nước đô thị	KhoiLuongBunMangLuoi	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường TN-E-62 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m³ hoặc tấn/kỳ; quy đổi về tấn khi tổng hợp: Giá trị nhỏ nhất: 0
107	BXD-CTN-107	Cấp nước, thoát nước / Bùn thải	Quản lý bùn thải và tài liệu đính kèm về thoát nước	Tổng khối lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống thoát nước đô thị và công trình xử lý nước thải thuộc phạm vi quản lý đã được tiếp nhận, xử lý theo quy định trong kỳ. Ghi đơn vị đo, trạng thái bùn và hệ số quy đổi.	Thuộc tính mô tả quản lý bùn thải	KhoiLuongBunDuocXuLy	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường TN-E-63 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m³ hoặc tấn/kỳ; quy đổi về tấn khi tổng hợp: Giá trị nhỏ nhất: 0
108	BXD-CTN-108	Cấp nước, thoát nước / Bùn thải	Quản lý bùn thải và tài liệu đính kèm về thoát nước	Phương pháp được áp dụng để nén, tách nước, làm khô, ổn định, xử lý, tiêu hủy hoặc tái sử dụng bùn; ghi nguồn phát sinh, trạng thái bùn, căn cứ pháp lý/điều kiện môi trường và cơ sở tiếp nhận.	Thuộc tính mô tả cơ sở xử lý bùn thải	PhuongPhapXuLyBun	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-E-64 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM18

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
109	BXD-CTN-109	Cấp nước, thoát nước / Bùn thải	Quản lý bùn thải và tài liệu đính kèm về thoát nước	Mã chuyên ngành, tên, địa chỉ, tọa độ và trạng thái hoạt động của cơ sở xử lý bùn phát sinh từ hệ thống thoát nước đô thị hoặc công trình xử lý nước thải thuộc phạm vi quản lý.	Thuộc tính mô tả cơ sở xử lý bùn thải	CoSoXuLyBun	Object	Tham chiếu dữ liệu	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-E-65 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã định danh chuyên ngành; Mã định danh địa điểm (nếu có); Tên; Địa chỉ (BXD-CDE-002); Tọa độ (BXD-CDE-031, BXD-CDE-032); Trạng thái hoạt động (DM03)
110	BXD-CTN-110	Cấp nước, thoát nước / Bùn thải	Quản lý bùn thải và tài liệu đính kèm về thoát nước	Công suất thiết kế và công suất vận hành của cơ sở xử lý bùn thải. Ghi rõ đơn vị đo, trạng thái bùn và hệ số quy đổi; khi tổng hợp, quy đổi về tấn/ngày theo tài liệu kỹ thuật vận hành Hệ thống thông tin.	Thuộc tính mô tả cơ sở xử lý bùn thải	CongSuatXuLyBun	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi tạo lập; khi thay đổi	Trường TN-E-66 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Công suất thiết kế; Công suất vận hành (m³/ngày hoặc tấn/ngày); Trạng thái bùn; Hệ số quy đổi. Quy đổi về tấn/ngày khi tổng hợp
111	BXD-CTN-111	Cấp nước, thoát nước / Bùn thải	Quản lý bùn thải và tài liệu đính kèm về thoát nước	Khối lượng bùn sau xử lý được tái sử dụng cho mục đích phù hợp trong kỳ; ghi đơn vị đo, trạng thái bùn, hệ số quy đổi, mục đích tái sử dụng và tài liệu chứng minh đáp ứng quy chuẩn, điều kiện môi trường khi có.	Thuộc tính mô tả quản lý bùn thải	KhoiLuongBunTaiSuDung	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Cập nhật hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường TN-E-67 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	m³ hoặc tấn/kỳ; quy đổi về tấn khi tổng hợp: Giá trị nhỏ nhất: 0

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
112	BXD-CTN-112	Cấp nước, thoát nước / Bùn thải	Quản lý bùn thải và tài liệu đính kèm về thoát nước	Tỷ lệ khối lượng bùn thải được xử lý hoặc tái sử dụng trên tổng khối lượng bùn phát sinh từ công trình xử lý nước thải và mạng lưới thoát nước đô thị, sau khi quy đổi về cùng đơn vị. Hệ thống thông tin tự động tính và ghi rõ phạm vi số liệu.	Thuộc tính mô tả quản lý bùn thải	TyLeBunXuLyTaiSuDung	Float		Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Hệ thống thông tin tự động tính hằng tháng; tổng hợp theo quý, năm	Trường TN-E-68 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	%: Giá trị nhỏ nhất: 0; Giá trị lớn nhất: 100; Hệ thống thông tin tự động tính, không nhập thủ công
113	BXD-CTN-113	Cấp nước, thoát nước / Thoát nước đô thị	Quản lý bùn thải và tài liệu đính kèm về thoát nước	Tệp hoặc liên kết đến tài liệu làm căn cứ, gồm: quyết định ban hành giá dịch vụ thoát nước; hợp đồng quản lý, vận hành, quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương; hồ sơ pháp lý của chủ sở hữu/đại diện chủ sở hữu và đơn vị thoát nước; giấy phép môi trường	Thuộc tính mô tả các đối tượng dữ liệu thoát nước đô thị	TaiLieuThoatNuoc	Object	Tệp điện tử	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Khi phát sinh; khi thay đổi	Trường TN-F-69 Phụ lục II Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Tệp hoặc liên kết tài liệu; Loại tài liệu; Số, ngày, cơ quan/đơn vị ban hành; Thời điểm hiệu lực; Phiên bản; Bản ghi liên kết. Định dạng theo tài liệu kỹ thuật vận hành Hệ thống thông tin
11. Siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi												
114	BXD-CTN-114	Cấp nước, thoát nước / Siêu dữ liệu	Quản lý siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi	Nêu rõ đối tượng, nội dung, phạm vi, đơn vị đo và ý nghĩa của dữ liệu.	Siêu dữ liệu mô tả mọi bản ghi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu	TenMoTaDuLieu	String	1000	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo bản ghi (mỗi lần tạo lập, cập nhật)	Mục III Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Quy tắc ràng buộc: Bắt buộc

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
115	BXD-CTN-115	Cấp nước, thoát nước / Siêu dữ liệu	Quản lý siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi	Cơ quan, đơn vị quản lý hồ sơ, hệ thống hoặc hoạt động nghiệp vụ hình thành dữ liệu.	Siêu dữ liệu mô tả mọi bản ghi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu	CoQuanQuanLyNguon	Object	Tham chiếu dữ liệu	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo bản ghi (mỗi lần tạo lập, cập nhật)	Mục III Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã định danh tổ chức; Tên tổ chức
116	BXD-CTN-116	Cấp nước, thoát nước / Siêu dữ liệu	Quản lý siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi	Đơn vị, tài khoản và phương thức tạo lập, cập nhật dữ liệu.	Siêu dữ liệu mô tả mọi bản ghi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu	ThongTinTaoLap	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo bản ghi (mỗi lần tạo lập, cập nhật)	Mục III Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Mã đơn vị; Mã tài khoản; Thời điểm; Phương thức (nhập trực tuyến, cập nhật theo lô, kết nối, tiếp nhận từ thiết bị)
117	BXD-CTN-117	Cấp nước, thoát nước / Siêu dữ liệu	Quản lý siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi	Trạng thái rà soát, ghi nhận chất lượng của bản ghi dữ liệu.	Siêu dữ liệu mô tả mọi bản ghi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu	TrangThaiChatLuongDuLieu	Object	Tham chiếu danh mục	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo bản ghi (mỗi lần tạo lập, cập nhật)	Mục III Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Thông tin cơ bản: Mã mục; Tên mục. Danh mục: DM14
118	BXD-CTN-118	Cấp nước, thoát nước / Siêu dữ liệu	Quản lý siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi	Đơn vị và căn cứ rà soát, ghi nhận trạng thái chất lượng dữ liệu.	Siêu dữ liệu mô tả mọi bản ghi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu	ThongTinRaSoat	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo bản ghi (mỗi lần tạo lập, cập nhật)	Mục III Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Trạng thái (DM14); Đơn vị, tài khoản thực hiện; Thời điểm; Căn cứ đối chiếu; Nội dung cần rà soát, chỉnh sửa; Phương thức xác thực điện tử

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
119	BXD-CTN-119	Cấp nước, thoát nước / Siêu dữ liệu	Quản lý siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi	Hồ sơ pháp lý, văn bản, Hệ thống nguồn, thiết bị đo, báo cáo nghiệp vụ hoặc phương pháp tính làm căn cứ tạo lập dữ liệu.	Siêu dữ liệu mô tả mọi bản ghi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu	NguonCanCu	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo bản ghi (mỗi lần tạo lập, cập nhật)	Mục III Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Loại nguồn; Mã tài liệu; Mã bản ghi nguồn; Thời điểm hiệu lực; Phương pháp tính
120	BXD-CTN-120	Cấp nước, thoát nước / Siêu dữ liệu	Quản lý siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi	Phạm vi không gian, phân loại khu vực và thời gian của dữ liệu.	Siêu dữ liệu mô tả mọi bản ghi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu	PhamViKhongGianThoiGian	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo bản ghi (mỗi lần tạo lập, cập nhật)	Mục III Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Mã đơn vị hành chính (DM01); Tọa độ/hình học; Phân loại đô thị/nông thôn (DM04); Thời điểm hiệu lực; Kỳ cập nhật; Kỳ số liệu; Kỳ đối soát; Múi giờ
121	BXD-CTN-121	Cấp nước, thoát nước / Siêu dữ liệu	Quản lý siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi	Hệ quy chiếu chính thức, phương pháp chuyển đổi, sai số và nguồn của dữ liệu không gian.	Siêu dữ liệu mô tả mọi bản ghi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu	HeQuyChieu	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo bản ghi (mỗi lần tạo lập, cập nhật)	Mục III Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Áp dụng đối với dữ liệu không gian; lưu trữ chính thức theo hệ quy chiếu, hệ tọa độ quốc gia
122	BXD-CTN-122	Cấp nước, thoát nước / Siêu dữ liệu	Quản lý siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi	Định dạng dữ liệu, phiên bản, quan hệ với bản ghi trước và sau.	Siêu dữ liệu mô tả mọi bản ghi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu	PhienBanDuLieu	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo bản ghi (mỗi lần tạo lập, cập nhật)	Mục III Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Định dạng; Số phiên bản; Mã bản ghi trước; Mã bản ghi sau. Dữ liệu cũ được lưu vết, không ghi đè

TT	Mã	Lĩnh vực/ Chuyên ngành	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Tên trường kỹ thuật	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Tần suất cập nhật	Pháp lý	Ghi chú
123	BXD-CTN-123	Cấp nước, thoát nước / Siêu dữ liệu	Quản lý siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi	Thời điểm truyền, độ trễ, trạng thái thiết bị và hiệu lực hiệu chuẩn của dữ liệu từ thiết bị, hệ thống giám sát.	Siêu dữ liệu mô tả mọi bản ghi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu	ThongTinTruyenNhan	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo bản ghi (mỗi lần tạo lập, cập nhật)	Mục III Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Bắt buộc đối với dữ liệu từ thiết bị. Gồm: Thời điểm đo; Thời điểm truyền; Độ trễ; Trạng thái thiết bị; Hiệu lực hiệu chuẩn; Trạng thái chất lượng (DM15)
124	BXD-CTN-124	Cấp nước, thoát nước / Siêu dữ liệu	Quản lý siêu dữ liệu tối thiểu của bản ghi	Mức độ tiếp cận, điều kiện sử dụng, thời hạn lưu trữ và đầu mối chịu trách nhiệm của dữ liệu.	Siêu dữ liệu mô tả mọi bản ghi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu	CheDoKhaiThac	Object	Dữ liệu cấu trúc	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng – Bộ Xây dựng	Theo bản ghi (mỗi lần tạo lập, cập nhật)	Mục III Phụ lục III Thông tư số 69/2026/TT-BXD	Gồm: Mức độ tiếp cận (dữ liệu mở, chia sẻ có điều kiện, hạn chế); Điều kiện sử dụng; Thời hạn lưu trữ; Đầu mối chịu trách nhiệm

III. TỪ VỰNG KẾ THỪA TỪ ĐIỂN DỮ LIỆU DÙNG CHUNG NGÀNH XÂY DỰNG

STT	Mã từ vựng	Tên nghiệp vụ	Tên trường KT	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Ghi chú áp dụng	Trường dữ liệu Thông tư 69/2026/TT-BXD
1	BXD-CDE-002	Địa chỉ	DiaChi	Object	Dữ liệu cấu trúc	Địa chỉ trụ sở, địa chỉ công trình	
2	BXD-CDE-007	Họ và tên	HoVaTen	String	150	Họ và tên đầu mối dữ liệu	
3	BXD-CDE-009	Loại hình tổ chức	LoaiHinhToChuc	Object	Tham chiếu danh mục		CN-A-03

STT	Mã từ vựng	Tên nghiệp vụ	Tên trường KT	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Ghi chú áp dụng	Trường dữ liệu Thông tư 69/2026/TT-BXD
4	BXD-CDE-010	Mã định danh	MaDinhDanh	String	150	Mã định danh duy nhất của bản ghi dữ liệu trong Hệ thống thông tin (ánh xạ trường MaBanGhi)	Mục III Phụ lục III
5	BXD-CDE-012	Mã số thuế	MaSoThue	String	15	Mã số doanh nghiệp, mã số thuế – một dạng của Mã định danh tổ chức (BXD-CTN-027)	
6	BXD-CDE-014	Ngày cấp	NgayCap	String	10 / YYYY-MM-DD	Ngày cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép môi trường	
7	BXD-CDE-022	Số điện thoại	SoDienThoai	String	130	Số điện thoại liên hệ công vụ	
8	BXD-CDE-023	Số giấy	SoGiay	String	150	Số giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép môi trường	
9	BXD-CDE-025	Tên tổ chức	TenToChuc	String	150		CN-A-02, TN-A-03, TN-A-05
10	BXD-CDE-028	Tỉnh thành	TinhThanh	Object	Tham chiếu danh mục	Mã, tên đơn vị hành chính cấp tỉnh (DM01)	
11	BXD-CDE-029	Tình trạng hoạt động	TinhTrangHoatDong	Object	Tham chiếu danh mục		CN-B-21, CN-C-48, TN-B-20
12	BXD-CDE-030	Trạng thái hoạt động	TinhTrangToChuc	Object	Tham chiếu danh mục		CN-A-07, TN-A-07
13	BXD-CDE-031	Tọa độ X	ToaDoX	String	500	Tọa độ công trình	
14	BXD-CDE-032	Tọa độ Y	ToaDoY	String	500	Tọa độ công trình	
15	BXD-CDE-034	Trạng thái giấy chứng nhận	TrangThaiGiayChungNhan	Object	Tham chiếu danh mục	Trạng thái hiệu lực của giấy phép	
16	BXD-CDE-036	Trang thông tin điện tử	Website	String	150	Trang thông tin điện tử của đơn vị	
17	BXD-CDE-037	Xã phường	XaPhuong	Object	Tham chiếu danh mục	Mã, tên đơn vị hành chính cấp xã (DM01)	
18	BXD-XDDT-001	Công suất vận hành	CongSuatVanHanh	Float		Thông tư 69 ghi đơn vị “m³/ngày đêm” (cùng đại lượng)	CN-B-24, TN-B-23

STT	Mã từ vựng	Tên nghiệp vụ	Tên trường KT	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Ghi chú áp dụng	Trường dữ liệu Thông tư 69/2026/TT-BXD
19	BXD-XDDT-003	Tổng dân số trong vùng phục vụ được cấp nước sinh hoạt	DanSoCapNuocSinhHoat	Integer		Thông tư 69 ghi đơn vị "Người"; khi trao đổi đổi về đơn vị của từ vựng: giá trị (1000 người) = số người ÷ 1000	CN-A-15
20	BXD-XDDT-004	Tổng dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải	DanSoCungCapDichVu	Float		Thông tư 69 ghi đơn vị "Người"; khi trao đổi đổi về đơn vị của từ vựng: giá trị (1000 người) = số người ÷ 1000	TN-A-14
21	BXD-XDDT-005	Tổng dân số trong vùng phục vụ cấp nước	DanSoVungPhucVu	Integer		Thông tư 69 ghi đơn vị "Người"; khi trao đổi đổi về đơn vị của từ vựng: giá trị (1000 người) = số người ÷ 1000	CN-A-09
22	BXD-XDDT-006	Giá dịch vụ thoát nước	GiaDichVu	Float		Thông tư 69 ghi đơn vị "Đồng/m³" (cùng đại lượng)	TN-A-16
23	BXD-XDDT-007	Giá nước bình quân	GiaNuocBinhQuan	Float		Thông tư 69 ghi đơn vị "Đồng/m³" (cùng đại lượng)	CN-A-17
24	BXD-XDDT-008	Giá nước sinh hoạt bậc 1	GiaNuocSH1	Float		Mức giá áp dụng cho 10 m³ đầu tiên trong biểu giá nước sạch sinh hoạt (CN-A-18)	
25	BXD-XDDT-009	Kỳ báo cáo	KyBaoCao	String	500	Kỳ báo cáo, kỳ số liệu	
26	BXD-XDDT-012	Mã nhà máy	MaNhaMay	String	50	Mã nhà máy nước, nhà máy xử lý nước thải (thành phần của CN-B-19, TN-B-17)	
27	BXD-XDDT-013	Số người trên đấu nối hộ	NguoiTrenDauNoiHo	Integer			CN-A-10
28	BXD-XDDT-014	Nhà máy cấp nước	NhaMayCapNuoc	Object	Tham chiếu dữ liệu		CN-B-19
29	BXD-XDDT-015	Nhà máy xử lý nước thải	NhaMayXuLyNuocThai	Object	Tham chiếu dữ liệu		TN-B-17
30	BXD-XDDT-017	Lượng nước bình quân	NuocBinhQuanDauNguoi	Float			CN-C-52
31	BXD-XDDT-018	Nước trên hóa đơn hộ	NuocTrenHoaDonHo	Float		Thông tư 69 ghi đơn vị "m³/ngày" (cùng đại lượng)	CN-B-37
32	BXD-XDDT-019	Nước trên hóa đơn ngoài hộ	NuocTrenHoaDonNgoaiHo	Float		Thông tư 69 ghi đơn vị "m³/ngày" (cùng đại lượng)	CN-B-38

STT	Mã từ vựng	Tên nghiệp vụ	Tên trường KT	Loại dữ liệu	Độ dài / Định dạng	Ghi chú áp dụng	Trường dữ liệu Thông tư 69/2026/TT-BXD
33	BXD-XDDT-020	Phạm vi thu gom, xử lý nước thải	PhamViThuGomXuLy	Object	Dữ liệu cấu trúc		TN-B-27
34	BXD-XDDT-023	Sản lượng bán buôn	SanLuongBanBuon	Float		Thông tư 69 ghi đơn vị “m³/ngày” (cùng đại lượng)	CN-B-36
35	BXD-XDDT-024	Sản lượng mua buôn	SanLuongMuaBuon	Float		Thông tư 69 ghi đơn vị “m³/ngày” (cùng đại lượng)	CN-B-35
36	BXD-XDDT-025	Số đấu nối hộ	SoDauNoiHo	Integer		Thông tư 69 ghi đơn vị “Đấu nối” (cùng đại lượng)	CN-A-11
37	BXD-XDDT-026	Số đấu nối ngoài hộ	SoDauNoiNgoaiHo	Integer		Thông tư 69 ghi đơn vị “Đấu nối” (cùng đại lượng)	CN-A-12
38	BXD-XDDT-029	Tên nhà máy	TenNhaMay	String		Tên nhà máy (thành phần của CN-B-19, TN-B-17)	
39	BXD-XDDT-030	Tên quy hoạch	TenQuyHoach	String		Tên quy hoạch (thành phần của CN-QH-01, TN-QH-01)	
40	BXD-XDDT-031	Tổng công suất thiết kế	TongCongSuatThietKe	Float		Thông tư 69 ghi đơn vị “m³/ngày đêm” (cùng đại lượng)	CN-B-23, TN-B-22
41	BXD-XDDT-033	Tổng số dân số	TongSoDanSo	Float		Thông tư 69 ghi đơn vị “Người”; khi trao đổi đổi về đơn vị của từ vựng: giá trị (1000 người) = số người ÷ 1000	TN-A-10
42	BXD-XDDT-034	Tỷ lệ dân số cấp nước sạch	TyLeDanSo	Float			CN-A-16
43	BXD-XDDT-035	Tỷ lệ dân số cung cấp dịch vụ	TyLeDanSoCungCapDichVu	Float			TN-A-15
44	BXD-XDDT-036	Tỷ lệ huy động công suất	TyLeHuyDongCongSuat	Float			CN-B-25, TN-B-24
45	BXD-XDDT-037	Tỷ lệ thất thoát nước sạch	TyLeThatThoatNuocSach	Float			CN-C-51
46	BXD-XDDT-038	Tỷ lệ vốn nhà nước	TyLeVonNhaNuoc	Float			CN-A-04
47	BXD-XDDT-039	Vùng phục vụ cấp nước	VungPhucVuCapNuoc	Object	Dữ liệu cấu trúc		CN-A-08

IV. DỮ LIỆU DANH MỤC

STT	Mã mục	Tên mục / Nội dung
DM01. Đơn vị hành chính		
	—	Mã, tên, cấp đơn vị hành chính; trạng thái hiệu lực; quan hệ trước và sau sắp xếp. Sử dụng danh mục dùng chung do cơ quan có thẩm quyền công bố (tương ứng BXD-CDE-028 Tỉnh thành, BXD-CDE-037 Xã phường); kế thừa danh mục dùng chung.
DM02. Loại hình tổ chức		
1	01	Cơ quan nhà nước
2	02	Đơn vị sự nghiệp
3	03	Doanh nghiệp nhà nước
4	04	Công ty cổ phần
5	05	Công ty trách nhiệm hữu hạn
6	06	Hợp tác xã
7	99	Loại hình hợp pháp khác
DM03. Trạng thái hoạt động		
1	01	Đang hoạt động/vận hành
2	02	Dự phòng
3	03	Tạm dừng
4	04	Sửa chữa, nâng cấp
5	05	Đang đầu tư
6	06	Ngừng hoạt động
7	07	Chuyển giao
DM04. Phân loại khu vực phục vụ cấp nước		
1	01	Địa bàn đô thị
2	02	Địa bàn nông thôn thuộc phạm vi phục vụ thực tế của đơn vị cấp nước
3	03	Phạm vi liên xã
4	04	Phạm vi liên tỉnh
DM05. Loại khách hàng, hộ và đấu nối		

STT	Mã mục	Tên mục / Nội dung
1	01	Hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt
2	02	Cơ quan, tổ chức
3	03	Sản xuất
4	04	Kinh doanh, dịch vụ
5	05	Bán buôn
6	06	Đối tượng khác
7	07	Hộ/cơ sở được cung cấp dịch vụ thoát nước
DM06. Loại nguồn nước		
1	01	Nước mặt
2	02	Nước dưới đất
3	03	Nước thô mua hoặc tiếp nhận từ đơn vị khác
4	04	Nước biển
5	99	Nguồn nước dự phòng hoặc nguồn hợp pháp khác
DM07. Công nghệ xử lý nước		
	—	Nhóm công nghệ, dây chuyền xử lý chính theo đặc tính nguồn nước và hồ sơ kỹ thuật của nhà máy nước.
DM08. Công nghệ xử lý nước thải		
1	01	Cơ học
2	02	Hóa lý
3	03	Sinh học
4	04	Màng
5	05	Hồ sinh học
6	06	Đất ngập nước
7	07	Công nghệ kết hợp
8	99	Công nghệ hợp pháp khác
DM09. Loại công trình cấp nước		
1	01	Nhà máy nước
2	02	Công trình thu nước
3	03	Trạm bơm nước thô

STT	Mã mục	Tên mục / Nội dung
4	04	Trạm bơm tăng áp
5	05	Bể chứa nước sạch
6	06	Đài nước
7	07	Điểm hoặc trạm giám sát trực tuyến
DM10. Loại công trình thoát nước đô thị		
1	01	Nhà máy, trạm xử lý nước thải tập trung
2	02	Công trình xử lý nước thải phi tập trung thuộc hệ thống thoát nước đô thị
3	03	Trạm bơm nước thải
4	04	Trạm bơm thoát nước mưa
5	05	Công trình trữ, điều hòa nước mưa
6	06	Điểm xả
7	07	Cơ sở xử lý bùn thải thuộc phạm vi quản lý
DM11. Loại sự cố, phản ánh và kiến nghị		
1	01	Vỡ, rò rỉ đường ống
2	02	Ô nhiễm nguồn nước
3	03	Tràn bùn bể lắng
4	04	Rò rỉ hóa chất, khí clo
5	05	Mất áp
6	06	Gián đoạn cấp nước
7	07	Sự cố công trình, điện, thiết bị
8	08	Tắc nghẽn, ngập
9	09	Nước thải
10	10	Bùn thải
11	11	Thiết bị giám sát
12	12	Kết nối dữ liệu
13	13	Sự cố an ninh mạng
14	14	Phản ánh, kiến nghị về chất lượng dịch vụ
DM12. Đơn vị đo		

STT	Mã mục	Tên mục / Nội dung
	—	Đơn vị đo lường hợp pháp dùng cho lưu lượng, công suất, áp lực, chiều dài, diện tích, khối lượng, thông số giám sát, thời gian và giá dịch vụ.
DM13. Mã loại đối tượng định danh địa điểm		
	—	Tham chiếu danh mục mã loại đối tượng định danh địa điểm theo văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực và dữ liệu do Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm trả về. Không sử dụng cấu trúc mã dự kiến hoặc tự gán mã.
DM14. Trạng thái chất lượng dữ liệu		
1	01	Khởi tạo
2	02	Đang cập nhật
3	03	Chờ rà soát
4	04	Cần rà soát, chỉnh sửa
5	05	Đáp ứng yêu cầu chất lượng
6	06	Hết hiệu lực
7	07	Lưu lịch sử
DM15. Trạng thái chất lượng dữ liệu thiết bị		
1	01	Hợp lệ
2	02	Nghi ngờ
3	03	Thiết bị bảo trì
4	04	Hết hiệu lực hiệu chuẩn
5	05	Mất kết nối
6	06	Dữ liệu thiếu
7	07	Dữ liệu thay thế
8	08	Dữ liệu bị loại
9	99	Trạng thái khác do Hệ thống nguồn cung cấp
DM16. Mục đích tái sử dụng nước thải và bùn thải		
1	01	Tưới cây, rửa đường
2	02	Sử dụng cho sản xuất, công nghiệp
3	03	Tái sử dụng trong công trình
4	04	Cải tạo đất
5	99	Mục đích hợp pháp khác theo quy định

STT	Mã mục	Tên mục / Nội dung
DM17. Phương thức giám sát ngập		
1	01	Quan sát, kiểm tra hiện trường
2	02	Phản ánh của người dân
3	03	Camera, cảm biến
4	04	Trạm đo
5	05	Ảnh viễn thám
6	99	Mô hình hoặc nguồn dữ liệu hợp pháp khác
DM18. Phương pháp xử lý bùn thải		
1	01	Nén
2	02	Tách nước
3	03	Làm khô
4	04	Ổn định
5	05	Xử lý sinh học, hóa lý
6	06	Đồng xử lý
7	07	Tiêu hủy
8	08	Tái sử dụng
9	99	Phương pháp hợp pháp khác
DM19. Loại hệ thống và loại cống thu gom, thoát nước		
1	01	Hệ thống chung
2	02	Hệ thống riêng
3	03	Hệ thống nửa riêng
4	99	Loại khác theo hiện trạng
DM20. Tiêu chí dữ liệu điểm ngập		
1	01	Lượng mưa hoặc điều kiện xảy ra
2	02	Thời gian ngập
3	03	Chiều sâu ngập
4	04	Diện tích và đối tượng ảnh hưởng
5	05	Số lần xuất hiện

STT	Mã mục	Tên mục / Nội dung
6	06	Vị trí, phương pháp xác định tọa độ
7	07	Nguồn ghi nhận
8	08	Trạng thái, căn cứ và tiêu chí xác định đã xử lý